

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “02 con số”

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “02 con số” (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 18-KL/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu rộng các quan điểm chỉ đạo, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 18-KL/TW; quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng “2 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu, các kế hoạch, đề án đã được xác định tại Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa I) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa I) về thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030; thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các nội dung chỉ đạo, các nhiệm vụ, yêu cầu mới của Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đề ra các giải pháp linh hoạt, khắc phục khó khăn, tạo bứt phá trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phải thống nhất nhận thức và hành động, phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển

trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và từng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong hành động, quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp mới, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo và quyết tâm cao, đạt chất lượng, hiệu quả; đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện khoa học, khả thi, sát với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, theo phương châm “*6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*”. Kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp thiếu trách nhiệm, thực hiện không hiệu quả hoặc vi phạm; trên cơ sở đó, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển toàn diện, bền vững, lấy ổn định làm nền tảng, lấy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, lấy hạnh phúc và ấm no của Nhân dân là mục tiêu phấn đấu; đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá, là một trong những cực tăng trưởng năng động của khu vực trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Các mục tiêu chủ yếu

- *Về kinh tế*: Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10 - 10,5%; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 6.700 - 7.500 USD; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt khoảng 6,5 - 7,5%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 35 - 40% GRDP.

- *Về xã hội*: Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,75; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; phấn đấu đến năm 2030 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) cơ bản không còn hộ nghèo; đạt 32 giường bệnh/10.000 dân, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/10.000 dân.

- *Về môi trường*: Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 46,2%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu về môi trường đạt khoảng 98%.

(Chỉ tiêu cụ thể theo Phụ lục 1 kèm theo)

III. CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông chiến lược, kết nối liên vùng gắn với xây dựng, phát triển đô thị mới, khu dân cư tập trung, các tổ hợp về du lịch, dịch vụ mang tầm khu vực và quốc tế; phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu ngành, địa phương; phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tháo gỡ dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, rào cản, nhất là về quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư để khơi thông, giải phóng, phát huy nguồn lực, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách để thu hút tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, có năng lực và kinh nghiệm đầu tư vào tỉnh.

3. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc; trọng dụng người tài, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá phát triển, dám hành động, chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Thống nhất nhận thức và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, phải cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ không đủ năng lực, yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám hành động vì lợi ích chung, mang lại hiệu quả; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/8/2025 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

của địa phương; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “*tiền kiểm*” sang “*hậu kiểm*” gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Khẩn trương tháo gỡ dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hóa, số hóa toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế

a) Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến; nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và phát triển thị trường nông sản; bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển nông nghiệp sinh thái. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế tiềm năng đất, biển, rừng và công trình thủy lợi. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; nghiên cứu khai thác, phát triển du lịch - dịch vụ dưới tán rừng; an ninh nguồn nước được đảm bảo. Phấn đấu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,0 - 5,5%, đến năm 2030, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 28,5 - 29%.

Phát triển chăn nuôi theo hướng hình thành vùng chăn nuôi quy mô lớn gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ; chăn nuôi nông hộ theo hướng chuyên nghiệp hóa, hữu cơ, kiểm soát chặt chẽ về môi trường. Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh. Đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống đê, kè biển ở những vị trí xung yếu dọc chiều dài bờ biển của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác quản lý vận hành công trình thủy lợi, đảm bảo có trên 75% diện tích đất nông nghiệp đủ nước để sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng nhất là rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn; ngăn chặn, hạn chế thấp nhất tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; nâng tỷ lệ diện tích rừng trồng bằng các loài cây gỗ có năng suất cao, chất

lượng tốt. Lãnh đạo thực hiện tốt Kết luận số 103-KL/TW, ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Có chính sách, giải pháp phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, du lịch sinh thái dưới tán rừng, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân; phát triển thị trường tín chỉ các-bon; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng và các loại lâm sản ngoài gỗ; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện tốt công tác phát triển rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 46,2% trở lên; sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có.

Phát triển ngành nuôi thủy sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao theo hướng nuôi tập trung công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; quyết liệt thực hiện các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU). Tiếp tục phát huy tiềm năng thế mạnh về kinh tế biển để khai thác, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản; xây dựng đặc khu Phú Quý thành trung tâm khai thác, chế biến và dịch vụ nghề cá, trung tâm thương mại về xuất khẩu hải sản của tỉnh, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển của vùng và cả nước. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ trên địa bàn tỉnh; quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Công nghiệp

Phát triển mạnh công nghiệp có lợi thế cạnh tranh với trọng tâm là ngành chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo trở thành động lực tăng trưởng mới, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Tập trung phát triển chế biến sâu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để tăng cường thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Quan tâm đầu tư hệ thống xử lý môi trường, nước thải, rác thải và hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào các khu, cụm công nghiệp.

Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác bô-xít, chế biến alumin, công nghiệp luyện nhôm và chế biến các sản phẩm từ nhôm theo quy hoạch để hình thành trung tâm công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm quốc gia. Thu hút đầu tư các dự án khai thác và chế biến sâu titan đến năm 2030.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình hành động số 06-CTr/TU, ngày 23/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW. Phát triển công nghiệp sản xuất điện theo quy mô công suất được phê duyệt Quy hoạch điện VIII (điều chỉnh), sớm trở thành Trung tâm năng lượng của

quốc gia. Tận dụng tốt tiềm năng, cơ hội nhằm thu hút, phát triển các dự án năng lượng tái tạo, nhất là điện gió, điện mặt trời; thí điểm triển khai điện gió ngoài khơi, gắn với sản xuất hydrogen “xanh” amoniac “xanh”.

Hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh để thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn về cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, điện khí LNG, công nghiệp chế biến, chế tạo... gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ hiện đại.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Phát triển thương mại trên cơ sở tăng cường liên kết kinh tế chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng Lâm Đồng là trung tâm phân phối hàng nông sản và các mặt hàng có thế mạnh của địa phương cho các tỉnh, thành phố trong cả nước. Thúc đẩy thương mại nội địa trên cơ sở xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại (*trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm logistics, sân bãi...*) ở các khu đô thị, khu du lịch, khu dân cư tập trung. Gắn đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại với xây dựng văn minh thương mại.

Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, “Thanh long Bình Thuận”, “Nước mắm Phan Thiết”, “Cà phê Lâm Đồng”,..., sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia, sản phẩm xuất khẩu uy tín. Phát triển, nâng cao chất lượng, giá trị, năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, có lợi thế của tỉnh. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường. Phát huy vai trò của cảng hàng không quốc tế Liên Khương, cảng hàng không Phan Thiết, bến cảng Vĩnh Tân, hệ thống giao thông liên tỉnh để phát triển hệ thống dịch vụ logistics phục vụ liên kết vùng, kết nối vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt, đường biển tạo điều kiện thuận lợi phát triển hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển, phát triển dịch vụ cảng biển gắn kết với các khu, cụm công nghiệp của địa phương. Thu hút đầu tư các loại hình hạ tầng thương mại và tính lan tỏa, hỗ trợ sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nhằm kiểm soát chặt chẽ giá cả và duy trì sự ổn định cho thị trường.

Tiếp tục tái cơ cấu ngành dịch vụ, du lịch, tạo động lực phát triển mới; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mới, chất lượng cao, gắn với ứng dụng công nghệ số, có khả năng cạnh tranh dựa trên lợi thế của tỉnh như: Du lịch canh nông, du lịch âm nhạc, du lịch mạo hiểm, du lịch thể thao, du lịch chữa bệnh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa di sản, du lịch thể thao biển, du lịch

MICE và kinh tế đêm... Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ, mua sắm hàng hóa. Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm môi trường du lịch xanh - sạch - đẹp, an toàn và thân thiện; kịp thời xử lý, chấn chỉnh các vấn đề liên quan đến môi trường tự nhiên và môi trường xã hội tại các khu, điểm du lịch. Xây dựng chiến lược thương hiệu du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thiết kế bộ nhận diện thương hiệu du lịch thể hiện rõ nét bản sắc riêng, giá trị cốt lõi, thông điệp truyền thông thống nhất, định vị hình ảnh điểm đến trong tâm trí du khách trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án tổ hợp đô thị - thương mại - dịch vụ - du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp gắn với dịch vụ vui chơi giải trí, thương mại, dịch vụ, thể thao...; có chiến lược, kế hoạch thu hút đầu tư, phát triển, khai thác Khu du lịch quốc gia Mũi Né, Hồ Tuyền Lâm, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, cảnh quan Tà Đùng, đặc khu Phú Quý và các khu du lịch trọng điểm, tiềm năng của tỉnh. Tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách; đồng thời chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử, danh lam thắng cảnh để phát huy giá trị, hình thành những điểm đến hấp dẫn.

d) Tài chính, ngân hàng

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế. Phấn đấu tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân từ 10-11%/năm. Quản lý chặt chẽ, chủ động cắt giảm các khoản chi không cần thiết để tập trung chi đầu tư phát triển, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; quản lý các khoản chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Tập trung xử lý tài sản công dôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đúng quy định, phát huy hiệu quả, tránh lãng phí các nguồn lực.

Tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp để kịp thời nắm bắt, xử lý tháo gỡ khó khăn của khách hàng liên quan đến tiếp cận vốn vay; tích cực thực hiện các giải pháp chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. Đẩy mạnh việc tuyên truyền và mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình cho vay ưu đãi.

đ) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể

Bí thư các cấp ủy đảng, thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng

(kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số”; ưu tiên đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành kinh tế động lực, các ngành khai thác các lợi thế của tỉnh; thu hút các tập đoàn có định hướng, chiến lược phát triển mở rộng thị trường, cam kết đầu tư lâu dài, tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp FDI. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng thế mạnh của tỉnh, giới thiệu các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, triển khai các dự án nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư đã được phê duyệt. Bố trí quỹ đất công, ưu tiên sử dụng một phần ngân sách địa phương để tạo quỹ đất sạch; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về hạ tầng để thu hút đầu tư; chủ động lập, phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về luật đầu tư, không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất, xem xét chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi đất theo quy định để tránh gây lãng phí nguồn lực.

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc Hội, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân, Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 30/3/2026 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thực hiện minh bạch, công bằng, ổn định, nhất quán và thực thi tốt đối với các cơ chế, chính sách hỗ trợ thành phần kinh tế tư nhân có thể tiếp cận được các nguồn lực về tín dụng, đất đai. Phần đầu đến năm 2030 có khoảng 33.000 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai hiệu quả Chương trình phát triển doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mới nổi trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể của Trung ương và địa phương; tạo điều kiện để kinh tế tập thể phát triển mạnh hơn nữa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung phát triển kinh tế tập thể ở nhiều lĩnh vực, đa dạng ngành nghề, ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương, chương trình OCOP...; khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển quỹ tín dụng nhân dân

theo đúng mục tiêu của loại hình quỹ tín dụng nhân dân là hợp tác xã; nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân.

4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ, tập trung nghiên cứu ứng dụng chuyên gia khoa học, công nghệ. Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ số, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, hình thành trung tâm dữ liệu lớn tại tỉnh. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Nghiên cứu hình thành khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp và công nghệ sinh học.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; các tổ chức, địa phương ở các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến. Đẩy mạnh việc gắn kết giữa nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống thông qua áp dụng cơ chế đặt hàng.

Chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Quyết liệt thực hiện hiệu quả Đề án ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Thí điểm và nhân rộng, phổ cập các mô hình thành công về chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng bưu chính (*logistics*), viễn thông (*hạ tầng số*) theo hướng đổi mới hệ thống quản lý, khai thác gắn với công tác ngầm hóa và chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn toàn tỉnh; đầu tư phát triển hạ tầng với trang thiết bị, công nghệ hiện đại và cung cấp, phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ chất lượng cao; bảo đảm tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu, trong đó lấy nền tảng số quốc gia làm giải pháp đột phá.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

a) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, liên vùng và hạ tầng đô thị

Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch (*Gia Nghĩa - Chơn Thành, Liên Khương - Bảo Lộc - Tân Phú, Nha Trang - Đà Lạt, Gia Nghĩa - Phan*

Thiết, ...), các cảng biển, cảng hàng không Liên Khương, Phan Thiết; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh, các tuyến đường sắt kết nối các đô thị, các tuyến đường ven biển. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các vùng sản xuất với vùng chế biến theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt. Huy động tối đa nguồn lực trong và ngoài ngân sách và thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong xã hội, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết vùng, hạ tầng đô thị; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng giao thông quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tăng cường kết nối các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và ngành logistics, chuyển đổi năng lượng xanh; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải, logistics. Đẩy mạnh việc mở mới các đường bay quốc tế, nội địa từ cảng hàng không Liên Khương, Phan Thiết đến các quốc gia trong khu vực Asean, các quốc gia có lượng du khách lớn (*Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên Bang Nga, Châu Âu, ...*) và đến các tỉnh thành phố du lịch trong nước; tập trung phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng xanh, sạch, chất lượng cao với giá thành hợp lý, kết nối đến các trung tâm kinh tế, xã hội, các khu đô thị,... để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn hằng năm được Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Hoàn thiện, đồng bộ hệ thống quy hoạch; triển khai có hiệu quả các quy hoạch, khơi thông điểm nghẽn, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh) đảm bảo thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ưu tiên nguồn lực cho công tác lập quy hoạch, tập trung rà soát điều chỉnh bổ sung, lập mới quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành theo quy định đảm bảo về chất lượng, đồng bộ, thống

nhất giữa các quy hoạch trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, trật tự xây dựng nhằm phục vụ tốt việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật. Triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh ở vị trí có nhiều tiềm năng, du địa, động lực mới để phát triển quỹ đất, thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghệ cao, mở rộng không gian đô thị; có hệ thống giao thông thuận lợi trong việc kết nối tỉnh với các trung tâm kinh tế - tài chính, công nghiệp, khoa học - công nghệ và các tuyến giao thông quan trọng của quốc gia.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện nghiêm công tác quản lý đất đai theo đúng các quy hoạch đã được phê duyệt. Tập trung rà soát lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã, cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 khi tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp, giảm tối đa việc chồng chéo, bất cập giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan. Xây dựng và triển khai các định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư đặc biệt là phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... Hoàn thiện đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu về đất đai. Tiếp tục hoàn thiện chính sách về đất đai đảm bảo đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thực hiện có hiệu quả các Quy hoạch về khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách tạo thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án chế biến các loại khoáng sản đúng tiến độ quy hoạch và hiệu quả, nhất là đối với các doanh nghiệp khai thác mỏ có năng lực, dự án có sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững.

c) Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Nghiên cứu hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các khu kinh tế ngang tầm khu vực và cả nước. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị theo định hướng mới, khi thực hiện sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng đô thị. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường; xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư, tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường khai thác, sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm

đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Thực hiện ngầm hóa toàn bộ các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại trung tâm các đô thị. Huy động các nguồn lực để triển khai Chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ.

Tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; tổ chức rà soát, phân loại địa bàn để tập trung, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, lồng ghép chương trình, khuyến khích đầu tư tư nhân và hợp tác công - tư nhằm triển khai toàn diện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, nhất là các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời phát huy vai trò lan tỏa của các khu vực có điều kiện thuận lợi. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bao trùm, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; huy động hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực; phấn đấu đến 2030, có trên 92⁽¹⁾ xã đạt chuẩn nông thôn mới.

6. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

a) Văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao

Phát triển văn hóa phải đặt ngang hàng với phát triển kinh tế chính trị, xã hội. Tham mưu triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Ưu tiên bố trí ngân sách và lồng ghép các nguồn lực đầu tư để thực hiện hiệu quả đúng lộ trình Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 theo Nghị quyết 162/2024/QH15 của Quốc hội. Khai thác và phát triển tiềm năng về công nghiệp văn hóa đặc biệt là các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh - triển lãm, kiến trúc, điện ảnh, ... thu hút đầu tư xã hội hóa lĩnh vực văn hóa; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, giải trí, dịch vụ văn hóa, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hóa số; gắn kết văn hóa với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Phát huy vai trò cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo, bảo tồn lễ hội, các hoạt động văn hóa dân gian, các nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu

¹⁾ Hiện nay Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 khác với các định hướng, hướng dẫn trước đây; do đó, sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan thì sẽ điều chỉnh chỉ tiêu thực hiện đến 2030 toàn tỉnh phấn đấu có ít nhất 42 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm khoảng 40% và có từ 01 đến 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại, chiếm khoảng 1,9%.

quốc gia về phát triển văn hóa. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa quốc gia gắn với xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách nâng cao đời sống văn hóa, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân. Xây dựng hệ sinh thái văn hóa mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng văn hóa người Lâm Đồng đảm bảo thống nhất trong đa dạng; thực hiện đồng bộ chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, góp phần vừa phục hồi, bảo tồn, phát huy nhiều giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư các thiết chế thể thao, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tập luyện của người dân từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng các cơ chế chính sách thông thoáng, phù hợp với tình hình của từng địa phương để thu hút, kêu gọi đầu tư vào hoạt động xã hội hóa thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao, tập trung đào tạo, huấn luyện đối với các đội tuyển tỉnh và tuyển trẻ của các môn thể mạnh, đồng thời nâng cao chất lượng hệ thống các giải thể thao quần chúng, từ cấp tỉnh đến cơ sở, làm cơ sở để tuyển chọn, bổ sung lực lượng vận động viên vào tuyển năng khiếu của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong thể thao, đẩy mạnh áp dụng thành tựu khoa học công nghệ trong công tác đào tạo, huấn luyện và thi đấu. Phấn đấu đến năm 2030, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ trên 40% dân số của tỉnh; số gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt tỷ lệ trên 30% số hộ gia đình trong tỉnh.

b) Y tế

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW. Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới y tế theo hướng kết hợp hài hòa giữa y tế dự phòng - dân số và khám bệnh, chữa bệnh, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại, giữa y tế cơ sở và y tế chuyên sâu, giữa y tế lực lượng vũ trang và dân y đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Thực hiện công tác chuyển đổi số y tế, triển khai thực hiện sổ khám sức khỏe điện tử. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế thực hiện các hoạt động y tế chuyên sâu, đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật cao. Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh thành bệnh viện khu vực có khả năng thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao, phát triển một số chuyên khoa sâu, mũi nhọn đáp ứng yêu cầu đặc thù của địa phương. Thu hút đầu tư các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, điều dưỡng, các trung tâm chẩn đoán chất lượng cao, cơ sở cung cấp dịch vụ y tế dự

phòng - dân số tư nhân và các cơ sở xã hội hóa tại các đô thị trung tâm để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, du lịch nghỉ dưỡng cho Nhân dân và du khách. Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh đạt 32 giường bệnh/10.000 dân và 11 bác sỹ/10.000 dân, tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân trên 95%.

c) An sinh xã hội

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện việc huy động các nguồn lực xã hội và lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo vào các chương trình có cùng mục tiêu để đem lại hiệu quả cao và bền vững.

d) Thực hiện chính sách dân tộc, công tác dân tộc, công tác tín ngưỡng tôn giáo

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từng bước đầu tư mới, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa,... vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt các vấn đề về dân di cư tự phát, thiếu đất ở, đất sản xuất của người dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy dân chủ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; huy động sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc xây dựng chính sách và thụ hưởng chính sách về dân tộc.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo, tín ngưỡng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo cho Nhân dân và chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tín đồ tôn giáo. Tăng cường mối quan hệ giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể với các tổ chức tôn giáo nhằm phát huy vai trò, vị trí của chức sắc, tổ chức tôn giáo trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

đ) Thông tin, truyền thông

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, phát thanh - truyền hình và thông tin điện tử; nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin tuyên truyền và công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh. Thực hiện tốt công tác định hướng thông tin truyền thông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp,

hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới.

Tuyên truyền các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, dỡ bỏ các thông tin xấu, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên môi trường mạng. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

7. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục hiện đại, phát triển

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo, nguồn nhân lực theo hướng liên kết vùng, hiện đại, hội nhập, lấy chất lượng làm trung tâm, gắn đào tạo với sử dụng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh mới, phát triển giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Thu hút, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư; phát triển hệ thống trường ngoài công lập theo hướng đạt chuẩn Quốc tế và trường chất lượng cao, nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh và công tác xóa mù chữ; tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên từ bậc học phổ thông; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục rà soát, tập trung đầu tư cơ sở vật chất mạng lưới trường học, lớp học từ mầm non đến phổ thông theo hướng hiện đại, tiên tiến, đạt chuẩn quốc gia... Đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực, xã hội hóa trong thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng giáo dục; tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, giảm áp lực đầu tư công; thu hút đầu tư các trung tâm, trường học chất lượng cao tại các xã, phường.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng thị trường lao động linh hoạt, gắn đào tạo với sử dụng; tập trung giải quyết việc làm bền vững, đặc biệt là việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi lao động. Đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông.

Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài; chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, kinh tế số; quan tâm đào tạo các ngành, lĩnh vực theo nhu cầu của thị trường, nhất là những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng; tăng cường tuần tra, kiểm soát và áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với hành vi gây ảnh hưởng đến tài nguyên rừng; tổ chức trồng, phục hồi rừng đã bị suy thoái và bảo vệ các loài cây đặc trưng của hệ sinh thái rừng.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trong bối cảnh phát triển bền vững và liên kết vùng; Phát triển, nhân rộng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, sản xuất sạch hơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên trong các ngành, lĩnh vực; đầu tư đổi mới công nghệ thân thiện môi trường, nâng cao tiêu chuẩn sản xuất - kinh doanh xanh xây dựng tỉnh Lâm Đồng mở rộng trở thành địa phương đi đầu khu vực Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển kinh tế xanh, thích ứng biến đổi khí hậu.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; đầu tư hiện đại hóa hạ tầng thu gom, xử lý chất thải, nước thải, khí thải tại đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và du lịch; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về môi trường. Tăng cường hợp tác nội tỉnh, liên tỉnh và liên vùng trong công tác bảo vệ giám sát và xử lý các vấn đề môi trường xuyên vùng, xuyên lưu vực.

9. củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển

a) *Quốc phòng*: Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia. Củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và nền biên phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng “*tin, gọn, mạnh*”, dự bị động viên vững mạnh, hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh biên giới; xây dựng khu vực phòng thủ tuyến ven biển, bảo vệ vững chắc toàn vẹn chủ quyền Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) *An ninh, trật tự an toàn xã hội*:

Chủ động công tác nắm, phân tích, dự báo tình hình, phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ, bị động trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội; hoạt động của các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế và các hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương. Triển khai lực lượng, biện pháp chủ động thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, thực hiện đạt mục tiêu kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội hàng năm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, thực hiện và khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước phục vụ công tác quản lý xã hội, xây dựng chính phủ số, xã hội số,... Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chủ động các biện pháp phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ.

10. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 29/8/2025 của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền biên giới lãnh thổ, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển, đảo; xây dựng, củng cố đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác phát triển. Xây dựng hoạt động đối ngoại toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; ngoại giao kinh tế là trung tâm. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiện đại với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết. Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương.

11. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

a) Cải cách hành chính: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Đảng và chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực cải cách hành chính trọng tâm. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện phần đầu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, tinh gọn, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các sở, ban, ngành.

Nâng cao chất lượng phục vụ, gắn với việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

b) Xây dựng chính quyền: Tiếp tục kiện toàn bộ máy chính quyền hai cấp đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với sắp xếp tinh giản biên chế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình mới.

c) Công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thanh tra; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Thanh tra. Tăng cường công tác lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác thanh tra. Hoạt động thanh tra thực hiện đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trình tự, thủ tục pháp luật quy định; nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, tham nhũng, tiêu cực, dư luận xã hội quan tâm; tăng cường xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các cấp, các ngành triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phối hợp, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở; thực hiện tốt quy định tiếp công dân của người đứng đầu; kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài, hạn chế phát sinh “điểm nóng”, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện nghiêm, đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trọng tâm là các quy định về kiểm soát quyền lực, quản lý tài chính công, tài sản công; chú trọng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong khu vực ngoài nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(Chi tiết các nhiệm vụ, đề án, chương trình theo Phụ lục 2; Danh mục một số dự án, công trình lớn có đóng góp vào tăng trưởng theo Phụ lục 3 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đoàn thể và đảng ủy trực thuộc tổ chức quán triệt, phổ biến Kết luận số 18-KL/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình gắn với phân công cụ thể trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân, hoàn thành **trong tháng 5/2026**; định kỳ báo cáo

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁽²⁾ và Kế hoạch này.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, động lực mới cho tăng trưởng trên địa bàn tỉnh; giám sát việc triển khai các nội dung theo mục tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW.

3. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh vận động Nhân dân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển địa phương để thực hiện mục tiêu tăng trưởng đạt "02 con số" trong giai đoạn 2026 - 2030.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Kết luận số 18-KL/TW và Kế hoạch này, đảm bảo quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và tầm quan trọng của mục tiêu tăng trưởng "02 con số" trong giai đoạn 2026 - 2030.

5. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng lộ trình và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện các mục tiêu cụ thể; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đảng ủy trực thuộc thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Kết luận số 18-KL/TW theo quy định.

Kế hoạch hành động này phổ biến đến các chi bộ. *BT*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Chính phủ,
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Báo và PTTH Lâm Đồng,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH_{KT}.

(báo cáo)



**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Y Thanh Hà Niê Kdăm

²⁾ Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 28/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa I) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa I) về thực hiện mục tiêu tăng trưởng "02 con số" trong giai đoạn 2026 - 2030.



PHỤ LỤC I

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030 để thực hiện mục tiêu tăng trưởng "02 con số"

(Kèm theo Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10 - 10,5	
-	Tăng trưởng bình quân khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	5,5	
-	Tăng trưởng bình quân khu vực công nghiệp - xây dựng (%)	15	
-	Tăng trưởng bình quân khu vực dịch vụ (%)	12	
2	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 (USD)	6.700 - 7.500	
3	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (%)	13,71	
4	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	19,4	
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hoá (%)	11-13	
6	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hoá (%)	5	
7	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam đến năm 2030 (triệu lượt)	3,38	
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GRDP (%)	35 - 40	
9	Tỉ trọng vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	10 - 11	
10	Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước so với GRDP (%)	7,5	
11	Tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GRDP (%)	0,04	
12	Hệ số ICOR	3,8 - 4,2	
13	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	55 - 60	

14	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	6,5 - 7,5	
15	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 (%)	47,5	
16	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 (%)	35 - 40	
17	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Phần đầu 2030 cơ bản không còn hộ nghèo	
18	Số bác sĩ/vạn dân đến năm 2030 (người)	11	
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,75	
20	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 (%)	25 - 30	
21	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân (%)	15,63	
22	Tỉ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 (%)	100	
23	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030	33.000 DN	
24	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân (%)	11,5	
25	Số km đường cao tốc hoàn thành (km)	>330	



PHỤ LỤC II

Nhiệm vụ, đề án, chương trình trọng tâm để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
1	Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng với khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính phát triển nhanh, bền vững				
1.1	Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững				
1.1.1	Công tác chỉ đạo, điều hành về phát triển kinh tế - xã hội				
-	Triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng 05 năm giai đoạn 2026 - 2030	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng hằng năm	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai thực hiện bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ...	Tháng 4/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế bạc,...	Tháng 9/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
1.1.2	Phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại, bền vững				
-	Tham mưu xây dựng Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại, bền vững đến năm 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Đề án phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sinh thái	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Triển khai thực hiện Đề án xây dựng Đặc khu Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển	Theo lộ trình của Trung ương	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi mới, có hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai thực hiện chương trình tối đa hóa giá trị sử dụng đất nông nghiệp; cơ chế chính sách ưu đãi khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, phát triển thị trường phụ phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp và công nghệ sinh học (khi đủ điều kiện).	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
1.1.3	<i>Phát triển mạnh công nghiệp, với công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng sạch là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế</i>				
-	Triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Nghị quyết về phát triển công nghiệp đến năm 2030	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Phát triển các dự án điện theo Quy hoạch điện VIII (điều chỉnh); thí điểm triển khai điện gió ngoài khơi, gắn với sản xuất hydrogen, amoniac “xanh”	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Hoàn thành bàn giao mặt bằng Trung tâm điện lực Sơn Mỹ (dự án điện khí LNG BOT Sơn Mỹ 1, Sơn Mỹ 2, Kho cảng LNG Sơn Mỹ)	Quý I/2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù hình thành Trung tâm công nghiệp khai thác bô-xít, alumin, nhôm, chế biến sâu titan quốc gia	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Điều chỉnh tên nhiệm vụ phù

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
					hợp Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai hiệu quả cơ chế đặc thù, đột phá và hình thành các Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh.	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách cho phát triển điện gió ngoài khơi, LNG	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực phát triển công nghiệp; quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung; quản lý quy hoạch thăm dò, cấp phép, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản.	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
1.1.4	<i>Phát triển dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh</i>				
-	Triển khai Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông đến năm 2030	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Thu hút đầu tư các dự án tổ hợp đô thị - thương mại - dịch vụ - du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp gắn với dịch vụ vui chơi giải trí, thương mại, dịch vụ, thể thao, văn hóa, MICE; các trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai các giải pháp đột phá, đồng bộ để thu hút khách du lịch quốc tế và trong nước thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Điều chỉnh tên nhiệm vụ phù hợp Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai thực hiện Chương trình “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai Chiến lược phát triển thị trường thương mại trong nước; Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển hệ thống logistics, kho ngoại quan tại các cửa khẩu, cảng biển và trung tâm tiêu thụ lớn	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
1.1.5	<i>Phát triển bền vững kinh tế biển, kinh tế rừng</i>				
-	Triển khai thực hiện việc phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thủy sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển... Hình thành khu kinh tế ven biển của tỉnh.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai cơ chế tham gia thị trường tín chỉ carbon rừng; cơ chế khai thác du lịch - dịch vụ dưới tán rừng	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
1.2	<i>Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>				
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Xây dựng Đề án thành lập các Khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai thực hiện vận hành thị trường dữ liệu	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổng hợp, chuyển đến	Khi phát sinh	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Lâm Đồng; hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC)	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án chuyển đổi số và Chiến lược dữ liệu tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	2026/hàng năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2025 - 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiên bộ khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Nghị quyết quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Dự án Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng; phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh Lâm Đồng	2025 - 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Phát triển sản phẩm dịch vụ điện tử sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	2026 - 2027	UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai thực hiện các chính sách, cơ chế phát triển hạ tầng số; hình thành Trung tâm dữ liệu lớn trên địa bàn tỉnh.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trong xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
1.3	Điều hành tài chính - ngân sách linh hoạt, hiệu quả, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương				
-	Xây dựng Đề án tăng thu, cơ cấu lại chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Lâm Đồng	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng và triển khai Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Lâm Đồng	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn và các công trình, dự án trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phân đầu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Các sở, ngành theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
2	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn; huy động tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội				
2.1	Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, công khai, minh bạch; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính; phát triển các thành phần kinh tế, đưa kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất trong nền kinh tế của tỉnh				
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 12/9/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 và phân đầu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng Đề án sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 đối với các công ty lâm nghiệp	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Kế hoạch xúc tiến đầu tư giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình xúc tiến đầu tư	Hàng năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai hiệu quả cơ chế khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận chưa chuyển về nước để tiếp tục đầu tư; thu hút FDI gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực	Tháng 9/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đến năm 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Nghiên cứu xây dựng, kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội đặc khu Phú Quý, nhất là trong lĩnh vực năng lượng, tài nguyên nước, dịch vụ hậu cần nghề cá	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động khoảng 33.000 doanh nghiệp	2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
2.2	<i>Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn</i>				
-	Kế hoạch tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư theo phương thức công tư.	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, bất cập trong quy hoạch khoáng sản quốc gia trên địa bàn tỉnh.	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Hoàn thành các phương án để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực; phấn đấu hoàn thành việc xử lý trong quý III/2026	Tháng 9/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
-	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo, các dự án hạ tầng	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW
2.3	<i>Huy động tối đa nguồn lực, tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông quan trọng, kết nối liên vùng, hạ tầng đô thị</i>				
-	Nghị quyết về huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đến năm 2030	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Kế hoạch đầu tư tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Đề án xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới tỉnh Lâm Đồng	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Hoàn thành bản giao mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Hoàn thành các tuyến đường bộ: cao tốc Dầu Giây - Liên Khương đoạn Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành; Quốc lộ 27 (đoạn Km83 - Km106), Quốc lộ 28 (đoạn Di Linh - Gia Nghĩa), Quốc lộ 55 (đoạn Km52 - Km101, đoạn ngã 3 Đại Bình - xã Đồng Kho), tuyến đường động lực Gia Nghĩa - Bảo Lâm; đường ven biển quốc gia gia (đoạn qua đô thị Phan Thiết, đoạn Tân Thắng - Thắng Hải, đoạn Phan Rí Cửa - Bình Thạnh, đoạn qua đô thị La Gi). Thu hút đầu tư dự án cao tốc Phan Thiết - Gia Nghĩa	2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Mở mới các đường bay quốc tế, nội địa đến Cảng hàng không Liên Khương; vận hành Cảng hàng không Phan Thiết (hạng mục hàng không dân dụng)	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
3	Hoàn thiện, đồng bộ hệ thống quy hoạch; tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tài sản công				
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Điều chỉnh tên nhiệm vụ phù hợp với Kết luận số 18-KL/TW
-	Lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Lập, điều chỉnh các quy hoạch khu chức năng, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Làm sạch hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai	Tháng 6/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Điều chỉnh tên nhiệm vụ, thời gian hoàn thành phù hợp với Kết luận số 18-KL/TW
-	Tham mưu phương án xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo với Kết luận số 18-KL/TW
-	Nghiên cứu, triển khai cơ chế và tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo với Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng Đề án bảo tồn và sử dụng bền vững quỹ gen tỉnh Lâm Đồng	2026 - 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2026 - 2030	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Kế hoạch bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Nghị quyết về tăng cường công tác lãnh đạo bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Ghi chú
-	Xây dựng Hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	2026 - 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng các hồ thủy lợi, công trình ứng phó biến đổi khí hậu trọng điểm	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
4	Phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội				
4.1	Về phát triển giáo dục và đào tạo				
-	Triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Đề án về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Kế hoạch phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực giáo dục	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Chính sách học bổng khuyến khích học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Hoàn thành các trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền.	2026 - 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; đến năm 2030, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
4.2	Về phát triển văn hóa, thể dục thể thao				
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Triển khai thực hiện các chính sách, cơ chế phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Bổ sung nhiệm vụ theo với Kết luận số 18-KL/TW
-	Xây dựng Đề án phát triển thể lực, tầm vóc trẻ em tỉnh Lâm Đồng	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án bảo tồn các giá trị văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn giá trị di sản văn hóa tiêu biểu quốc gia, quốc tế	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án chuẩn mực văn hóa, gia đình con người Lâm Đồng gắn với hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035	2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Tổ chức các chương trình Festival Hoa Đà Lạt - Lâm Đồng	2028, 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
4.3	<i>Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân</i>				
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Đề án phát triển ngành y tế đến năm 2030	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực y tế	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Rà soát, tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
4.4	Về an sinh xã hội				
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Kế hoạch về phát triển nhà ở xã hội; hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Kế hoạch thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế toàn tỉnh	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
4.5	Về công tác dân tộc, tôn giáo				
-	Triển khai Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2026 - 2030	Quý I/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Xây dựng Đề án vận động tổ chức, tín đồ tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, xây dựng cuộc sống “tốt đời đẹp đạo”	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ cho sinh viên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Quý I/2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
5	Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại				
-	Quản trịệt, thực hiện hiệu quả các chiến lược, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về quốc phòng, an ninh	2026 - 2030	Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử (Đề án 06)	2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; phấn đấu đến năm 2030, đạt mục tiêu tỉnh không ma túy	2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
6	Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả				
6.1	Về chính trị, tư tưởng, đạo đức				
-	Nâng cao chất lượng ban hành các chương trình, kết luận, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy	Hàng năm	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Các đơn vị liên quan	
-	Kế hoạch đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh	2025	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông về xây dựng Đảng, tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
6.2	Về tổ chức, cán bộ				

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới; sơ kết, tổng kết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện	2026 - 2030	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai thực hiện đồng bộ các quy trình, quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm chủ trương “có vào, có ra”, “có lên, có xuống”, đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục, đa chiều, theo kết quả, sản phẩm cụ thể	2026 - 2030	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Ban hành, triển khai Nghị quyết về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	2026 - 2027	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới	2026	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở nhiệm kỳ 2025 - 2030	2026	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh	2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ, công chức ngang tầm nhiệm vụ	2026	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng và ngành Kiểm tra Đảng	2026 - 2027	Văn phòng Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Rà soát, sửa đổi Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo quy định của Trung ương	2025 - 2030	Văn phòng Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Thực hiện số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức	2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy	Các đơn vị liên quan	
6.3	<i>Về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng</i>				
-	Triển khai thực hiện nghiêm túc, có kết quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng trong đảng bộ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên về chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết của Đảng, việc thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kịp thời phát hiện những nội dung không còn phù hợp, còn thiếu, vấn đề mới phát sinh, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp	Thường xuyên	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và tạo bước tiến mới trong công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp; tập trung thực hiện toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của hệ thống cơ quan ủy ban kiểm tra của Đảng; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Thường xuyên	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Nghiên cứu, ban hành Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra công tác Đảng	2025 - 2026	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị; tổ chức các đoàn kiểm tra kịp thời đối với tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm	Hằng năm	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ	Hằng năm	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
6.4	<i>Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực</i>				
-	Triển khai Nghị quyết của Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực trong tình hình mới	2026	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Sau khi Trung ương ban hành
-	Kế hoạch tuyên truyền văn hóa liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức	2025	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án nâng cao chất lượng công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh	2026	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng quy định việc giải quyết tố cáo, khiếu nại. Phối hợp chặt chẽ ủy ban kiểm tra đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và giám sát xã hội	Thường xuyên	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban của Tỉnh ủy; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
6.5	<i>Về hoạt động chính quyền</i>				
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật	2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn	Hằng năm	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	

STT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Ghi chú
-	Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân 2 cấp	2025	Đảng ủy HĐND tỉnh	Các đơn vị liên quan	
-	Kế hoạch triển khai phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	2025 - 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
6.6	<i>Về công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội</i>				
-	Kiện toàn tổ chức dân vận các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận nắm chắc địa bàn, am hiểu văn hoá, tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo	Thường xuyên	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đề án về nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong tình hình mới	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và bảo đảm an ninh, trật tự của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể tại cơ sở.	Thường xuyên	Đảng ủy MTTQVN tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Nghiên cứu hình thành các mô hình “ <i>tự quản - tự chủ - tự giám sát</i> ” ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở	2025 - 2030	Đảng ủy MTTQVN tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	
-	Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới ở cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở	Thường xuyên	Đảng ủy MTTQVN tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	



PHỤ LỤC III

Danh mục công trình, dự án có quy mô lớn tạo động lực tăng trưởng kinh tế “2 con số”

(Kèm theo Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
I	Lĩnh vực giao thông - xây dựng					
1	Đường từ ngã tư Lê Duẩn - Trường Chinh đến nút giao cao tốc và quỹ đất 02 bên đường	Xây dựng đường chiều dài khoảng 12,05 km (bao gồm nút giao cầu vượt cao tốc Bắc Nam và các đường nhánh ra vào cao tốc) và quỹ đất 02 bên đường	Ngân sách	4.712	Năm 2026-2030	
2	Các dự án trên địa bàn tỉnh phục vụ thực hiện Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam	Xây dựng các khu tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh	Ngân sách	9.588,5	2026-2032	
3	Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng)	Xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư.	Vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn nhà nước hỗ trợ.	18.002,0	2025-2027	CTTĐ
4	Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc – Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1).	Vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn nhà nước hỗ trợ.	17.718,0	2025-2027	CTTĐ
5	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) - Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng)	Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) - Đà Lạt (Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công - tư (PPP).	Vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn nhà nước hỗ trợ.	25.058,0	2026-2030	CTTĐ
6	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Phan Thiết	Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Phan Thiết	Vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn nhà nước hỗ trợ.	50.000,0	2026-2030	CTTĐ
7	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn nhà nước hỗ trợ.	10.000,0	2026-2030	CTTĐ
8	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27, Quốc lộ 28, Quốc lộ 55, tuyến đường động lực Gia Nghĩa - Bảo Lâm;	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27, Quốc lộ 28, Quốc lộ 55, tuyến đường động lực Gia Nghĩa - Bảo Lâm;	Ngân sách	10.757,7	2026-2030	CTTĐ

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
9	Dự án đường ven biển quốc gia	Triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh phục vụ thực hiện Dự án đường ven biển quốc gia	Ngân sách, PPP	14.090,0	2026-2030	
10	Dự án Cảng hàng không Phan Thiết (hạng mục hàng không dân dụng)	Phục vụ cho các hoạt động bay của máy bay hàng không dân dụng cấp 4E đảm bảo công suất 02 triệu hành khách/năm đến năm 2030 và khai thác các chuyến bay nội địa, quốc tế không thường lệ (nếu có) để phục vụ việc đi lại của nhân dân, du khách, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Phục vụ các chuyến bay cứu trợ nhân đạo và chính sách an sinh xã hội.	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	3.700,0	2026-2030	CTTD
11	Dự án Bến cảng tổng hợp Sơn Mỹ tại xã Sơn Mỹ	Xây dựng Bến cảng tổng hợp Sơn Mỹ bao gồm hệ thống cầu cảng tổng hợp, cầu cảng hàng lồng, kho bãi, đê chắn sóng hoàn chỉnh để hình thành khu bến có quy mô, tầm nhìn dài hạn, đáp ứng cho nhu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài của xã Sơn Mỹ nói riêng vùng phụ cận và tỉnh Lâm Đồng nói chung. Đảm bảo kết nối hài hòa với Khu công nghiệp Sơn Mỹ I và đáp ứng yêu cầu khai thác công trình hạ tầng hàng hải, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư và tài nguyên biển.	Doanh nghiệp	7.437,1	2026-2030	
12	Dự án Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Lâm Đồng	Ngân sách	3.000,0	2026-2030	CTTD
II	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản					
1	Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	Cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, cấp nước thô cho khu công nghiệp và sinh hoạt của người dân; phòng chống lũ và cải tạo môi trường, điều tiết nước cho vùng hạ du khu vực huyện Hàm Thuận Nam và tỉnh Bình Thuận (cũ)	Ngân sách	874,0	Năm 2025-2028	
2	Dự án Xây dựng hồ chứa nước M'Răng, huyện Đơn Dương	Xây dựng đập đất với chiều dài khoảng 390m, chiều cao đập lớn nhất khoảng 18,5m; Tràn xả lũ: Chảy tự do, kết cấu bằng bê tông cốt thép.	Ngân sách	540,0	Năm 2025-2028	
3	Hồ Thượng nguồn Đan Kia 2	Du lịch, cấp nước	Ngân sách	2.400,0	2026-2030	
4	Hồ chứa nước La Ngà 3, tỉnh Lâm Đồng	Tạo nguồn cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (dự kiến khoảng 97.000 ha) của tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đồng Nai; cấp nước sinh hoạt, công nghiệp cho tỉnh Lâm Đồng và thành phố Hồ Chí Minh (khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ); kết hợp phát điện ...	Ngân sách	22.388	2026 -2030	

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
5	Hệ thống kênh Hồ Ta Hoét giai đoạn 2	Cấp nước tưới cho diện tích 2.580 ha đất canh tác, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 65.000 người và xây dựng khoảng 65km kênh mương phục vụ tưới tiêu cho nhân dân	Ngân sách	850	2026-2030	
6	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai và sông Đạ Quay và sông Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh	Xây 6.400 m kè chống sạt	Ngân sách	500	2026-2030	
7	Kè sông Cà Ty (đoạn từ cầu Dục Thanh đến đường Ung Văn Khiêm), thành phố Phan Thiết	Tuyến kè (bao gồm cả khoả kè) dài 492 m kết cấu bằng cọc ván BTCT dự ứng lực SW500A; Đường giao thông dài 604,58 m ; Công viên cây xanh và chiếu sáng diện tích khu đất 23,219 m ² ; cấp thoát nước và một số hạng mục khác	Ngân sách	486,4	Năm 2026-2030	
8	Dự án công viên Hùng Vương - công viên sinh thái ngập nước	Xây mới các hạng mục: Công trình vọng cảnh; quảng trường; nhà quản lý, sân khấu ngoài trời; khu vực cắm trại; chòi nghỉ chân - nhà vệ sinh công cộng; cây xanh mặt nước bảo vệ - cải tạo; đường đi bộ trên cao và dưới thấp; cây xanh cách ly - kè gia cố mái kênh; bến thuyền; đường giao thông (mở rộng đường Tôn Thất Tùng; đường bao công viên kết hợp đường dạo ven sông; cải tạo đường Lê Đại Hành); bãi đỗ xe; cửa van điều tiết.	Ngân sách	498,0	Năm 2026-2030	
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Mũi Né, kết hợp đầu tư Kè bảo vệ bờ biển và đường giao thông dọc kè kết nối vào khu neo đậu	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu neo đậu tránh bão	Ngân sách	1.092,0	Năm 2026-2030	
10	Xây dựng hồ chứa nước Đạ Tràng, xã Đạ Huoai	Cấp nước tưới cho 550ha đất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt cho 3,000 nhân khẩu	Ngân sách	453,0	Năm 2026-2030	

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
	Cụm hồ chứa nước Đăk R'Po và Đăk Rúc	Đảm bảo nguồn nước tưới cho khoảng 1.700 ha đất nông nghiệp, tạo nguồn nước sinh hoạt cho khoảng 1.100 hộ dân	Ngân sách	1.220,0	Năm 2026-2030	
III	Lĩnh vực năng lượng, cấp điện					
1	Kho cảng LNG Sơn Mỹ	Kho chứa LNG tái hóa khí phục vụ cho Nhà máy điện Sơn Mỹ I và II.- Cảng nhập LNG.	Doanh nghiệp	31.000,0	2026-2030	CTTĐ
2	Nhà máy nhiệt điện BOT Sơn Mỹ I	Góp phần đáp ứng nhu cầu điện cho hệ thống và đảm bảo phát triển nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Đa dạng hoá sử dụng nguồn điện sơ cấp phục vụ phát điện. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình nguồn điện, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Thuận. Dự án Sơn Mỹ I sẽ sử dụng khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG) từ dự án Kho cảng LNG Sơn Mỹ theo Quyết định số 3022/QĐ-BCT ngày 10/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển chuỗi các dự án khí - điện sử dụng khí thiên nhiên hoá lỏng tại Sơn Mỹ, tỉnh Bình Thuận.	Doanh nghiệp	47.400,0	2021-2028	
3	Nhà máy Nhiệt điện BOT Sơn Mỹ II	Góp phần đáp ứng nhu cầu điện cho hệ thống và đảm bảo phát triển nguồn điện lực quốc gia. Đa dạng hoá sử dụng nguồn nguyên liệu sơ cấp phục vụ phát điện. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng công trình nguồn điện, góp phần phát triển kinh tế xã hội	Doanh nghiệp	49.500,0	2023-2028	CTTĐ
4	LNG Sơn Mỹ I	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	55.000,0	2026-2030	
5	LNG Sơn Mỹ II	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	52.500,0	2026-2030	
6	Nhà máy nhiệt điện than Vĩnh Tân III	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	50.000,0	2026-2030	
7	Nhà máy thủy điện Đa Hư	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	780,0	2026-2030	

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
8	Thủy điện Sông Lũy	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	560,0	2026-2030	
9	Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	519,3	2026-2030	
10	Nhà máy Điện gió Đức Trọng	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.829,3	2026-2030	
11	Điện gió Nam Bình 1	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.023,9	2026-2030	
12	Điện gió Đắc N'Drưng 1	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	3.902,9	2026-2030	
13	Điện gió Đắc N'Drưng 2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	3.314,5	2026-2030	
14	Điện gió Đắc N'Drưng 3	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	3.309,7	2026-2030	
15	Dự án Nhà máy điện mặt trời Tam Bô	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	680,0	2026-2030	
16	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đồng Nai 2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	4.080,0	2026-2030	
17	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.190,0	2026-2030	
18	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 1	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.700,0	2026-2030	
19	Dự án Nhà máy điện mặt trời Buôn Kuốp	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	2.018,0	2026-2030	
20	Dự án Nhà máy điện mặt trời Srêpôk 3	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	2.251,0	2026-2030	
21	Dự án Nhà máy điện mặt trời Ea pô 1	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.189,0	2026-2030	
22	Nhà máy điện gió Hòa Thắng 1.2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	4.736	2026-2030	CTTD
23	Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 1A	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	4.032,0	2026-2030	CTTD
24	Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 1B	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	2.710,0	2026-2030	CTTD

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
25	Điện gió Hồng Phong 2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	838,0	2026-2030	CTTĐ
26	Nhà máy điện gió Thái Phong	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	694,0	2026-2030	CTTĐ
27	Nhà máy điện gió Hàm Kiệm	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	698,0	2026-2030	CTTĐ
28	Nhà máy điện gió Phước Thê – Bình Thuận.	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	850,0	2026-2030	CTTĐ
29	Nhà máy điện gió Đại Phong (giai đoạn 1)	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1.932,0	2026-2030	CTTĐ
30	Dự án điện gió Phú Lạc giai đoạn 02	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1020	2026-2030	CTTĐ
31	Dự án điện gió Thái Hòa	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	3879	2026-2030	CTTĐ
32	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 2	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1020	2026-2030	CTTĐ
33	Dự án điện gió Hồng Phong 1	Nhà máy phát điện, cung cấp điện năng	Doanh nghiệp	1720	2026-2030	CTTĐ
IV	Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp và thu hút các dự án đầu tư thứ cấp					
1	Khu Công nghiệp Phú Bình	Đầu tư hạ tầng	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	2.000,0	2026-2030	CTTĐ
2	Khu công nghiệp Sơn Mỹ 1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sơn Mỹ I.	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	2.300,0	2026-2030	CTTĐ
3	Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 giai đoạn 1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sơn Mỹ II giai đoạn 1	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	1.717,0	2026-2030	CTTĐ
4	Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhân Cơ 2	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	4.200,0	2026-2030	CTTĐ
5	Khu Công nghiệp Hàm Kiệm II	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hàm Kiệm II	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	491,8	2026-2031	
6	Khu Công nghiệp Tân Đức	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Đức	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	1.200,0	2026-2032	

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
7	Khu kinh tế ven biển	Hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh Bình Thuận nằm trên địa bàn huyện Hàm Tân và thị xã La Gi (với diện tích khoảng 27.000 ha) khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành để thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn về cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, điện khí LNG, công nghiệp chế biến, chế tạo... gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ hiện đại.	Vốn nhà đầu tư, vốn huy động	-	2026-2030	CTTĐ
V	Lĩnh vực đô thị, thương mại					
1	Khu du lịch Đankia Suối Vàng	Phát triển các sản phẩm du lịch mới và chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh dựa trên lợi thế nổi trội về tài nguyên tự nhiên, văn hóa, di sản của địa phương	Doanh nghiệp	-	2026-2030	
2	Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu Eco Grand Land	Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, phục vụ nhu cầu đất ở, đất thương mại, dịch vụ cho người dân có nhu cầu theo hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền; tạo quỹ đất để bố trí các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông; góp phần giải quyết việc làm, nhu cầu về nhà ở theo quy hoạch cho người dân.	Doanh nghiệp	1.284,45	2025-2027	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư - Tái định cư 5B, phường Xuân Hương- Đà Lạt (Giai đoạn 1).	Quy mô đầu tư 26,83ha: xây dựng mới + Hệ thống giao thông:4.16Km + Xây dựng và đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật	Ngân sách	2.032,0	2025-2029	
4	Khu đô thị thương mại, dịch vụ mới Hàm Tiến - Mũi Né (Khu I) tại phường Phú Thủy (48,39 ha)		Doanh nghiệp	7.511,0		Đã được UBND tỉnh chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 2786/QĐ-UBND ngày 30/12/2025

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
5	Khu đô thị thương mại, dịch vụ mới Hàm Tiến - Mũi Né (Khu III) tại phường Mũi Né (218,65 ha)	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương với các khu nhà ở riêng lẻ, nhà ở phổ kết hợp thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, nhà ở xã hội... (để bán, cho thuê, cho thuê mua) đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội với các công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, y tế, giáo dục, công viên cây xanh; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng nhà gắn liền với đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	Doanh nghiệp	12.077,1		<p>- Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) chấp thuận chủ trương đầu tư thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</p> <p>- Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 UBND tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về việc chấp thuận Nhà đầu tư dự án là Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Biển đẹp Phú Quốc và Công ty TNHH Mặt Trời Hạ Long, thành lập doanh nghiệp để thực hiện dự án với tên doanh nghiệp là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Mặt Trời Phan Thiết.</p>
6	Khu đô thị thương mại, dịch vụ mới Hàm Tiến - Mũi Né (Khu IV) tại phường Mũi Né (193,79 ha)	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương với các khu nhà ở riêng lẻ, nhà ở phổ kết hợp thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, chung cư, nhà ở xã hội... (để bán, cho thuê, cho thuê mua) đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội với các công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, y tế, giáo dục, công viên cây xanh; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng nhà gắn liền với đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	Doanh nghiệp	18.819,2		Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
7	Khu đô thị thương mại, dịch vụ mới Hàm Tiến - Mũi Né (Khu V) tại phường Mũi Né (157,14 ha)	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương với các khu nhà ở riêng lẻ, nhà ở phổ kết hợp thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, nhà ở xã hội... (để bán, cho thuê, cho thuê mua) đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội với các công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, y tế, giáo dục, công viên cây xanh; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng nhà gắn liền với đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê theo quy định pháp luật	Doanh nghiệp	13.196,8		Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất
8	Khu du lịch suối nước nóng Bung Thị tại xã Tân Thành (105,17 ha)	Đầu tư xây dựng khu phức hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và xây dựng khu nghỉ dưỡng khoáng nóng đẳng cấp quốc tế, sử dụng nước khoáng thiên nhiên và nước nóng thiên nhiên để ngâm tắm, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ du lịch, thư giãn cho người dân, du khách, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo thêm việc làm cho người dân, tăng thu ngân sách cho địa phương. Xây dựng biệt thự nghỉ dưỡng, căn hộ nghỉ dưỡng để bán, cho thuê, cho thuê mua kết hợp các khu thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, công viên chuyên đề, khu vui chơi giải trí, biểu diễn đa năng, khu nghỉ mát, các tuyến cáp treo (nhà ga đi, nhà ga đến), khu nhà hàng – quảng trường, ... công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, công viên cây xanh; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh	Doanh nghiệp	22.132,5		UBND tỉnh chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 625/QĐ-UBND ngày 12/02/2026
9	Khu đô thị biển Hàm Tiến - Mũi Né (204,69 ha)	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương với các khu nhà ở riêng lẻ, nhà ở phổ kết hợp thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, chung cư, nhà ở xã hội... (để bán, cho thuê, cho thuê mua) đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội với các công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, y tế, giáo dục, công viên cây xanh; quảng trường biển phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi giải trí và tổ chức các hoạt động văn hóa cho người dân và du khách; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng nhà gắn liền với đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	Doanh nghiệp	-		

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
10	Khu du lịch Đồi cát bay (khoảng 115,5 ha)	Đầu tư xây dựng khu phức hợp thắng cảnh du lịch; khu dịch vụ, vui chơi, giải trí cộng đồng, dã ngoại cắm trại; quảng trường tổ chức sự kiện, bãi xe,... phục vụ phát triển du lịch của địa phương.	Doanh nghiệp	-		
11	Khu đô thị sân bay Phan Thiết (294 ha)	Đầu tư xây dựng khu đô thị sân bay để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương với các khu nhà ở riêng lẻ, nhà ở phổ kết hợp thương mại dịch vụ có công năng phục vụ hỗn hợp, nhà ở xã hội... (để bán, cho thuê, cho thuê mua) đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội với các công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ phụ trợ, y tế, giáo dục, công viên cây xanh; các công trình dịch vụ lưu trú, khách sạn để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng nhà gắn liền với đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê theo quy định pháp luật.	Doanh nghiệp	-		
12	Khu dân cư nông thôn ven biển Tân Thuận	Đầu tư hạ tầng đô thị	Doanh nghiệp	5.000,0	2026-2030	
13	Khu dân cư nông thôn ven Sông Phan	Đầu tư hạ tầng đô thị	Doanh nghiệp	5.000,0	2026-2030	
14	Trung tâm thương mại huyện Đăk Mil	Nhằm tạo ra lợi nhuận kinh tế thông qua việc đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về mua sắm, giải trí, dịch vụ và ẩm thực trong một không gian hiện đại và tiện nghi	Doanh nghiệp	645,0	2021-2026	
VI.	Dự án về môi trường					
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Hồng Sơn sử dụng công nghệ đốt rác phát điện	Xử lý triệt để chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ đốt rác phát điện; chất thải thứ cấp (tro xi) sau khi xử lý được tái sử dụng, tái chế, góp phần giảm chôn lấp chất thải, cải thiện môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và phát triển đô thị bền vững	Doanh nghiệp	1.270,0		
VII	Khoáng sản					
1	Đầu tư mở rộng, nâng công suất Tổ hợp bô xít – Nhôm Lâm Đồng	Khoáng sản	Doanh nghiệp	29.869	2026-2030	
2	Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất nhôm Nhân Cơ.	Khoáng sản	Doanh nghiệp	29.986	2026-2030	

TT	Công trình/ Dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
3	Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ	Khoáng sản	Doanh nghiệp	16.821,70	2026-2030	
4	Dự án nhà máy alumin Đắk Nông 2	Khoáng sản	Doanh nghiệp	20.797,0	2026-2030	
5	Dự án nhà máy alumin Đắk Nông 3	Khoáng sản	Doanh nghiệp	22.389,0	2026-2030	
6	Dự án nhà máy alumin Đắk Nông 4	Khoáng sản	Doanh nghiệp	23.000,0	2026-2030	
7	Dự án nhà máy alumin Đắk Nông 5	Khoáng sản	Doanh nghiệp	20.000,0	2026-2030	
VIII	Y tế					
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa chuyên sâu	Y tế	Doanh nghiệp	786,0	2026-2030	CTTĐ